

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ  
ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 310...../CBTT-ĐĐTMM

Cẩm Phả, ngày 23 tháng 3 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin: Mã CK: VTM  
Trụ sở chính: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, Tổ 16, Khu Tây Sơn 2, Phường  
Cẩm Sơn, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0203 3862343

Fax: 0203 3864038

Người thực hiện công bố thông tin: **VŨ ĐỨC LONG**

Địa chỉ: Thư ký công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ-Vinacomin

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0902108866

Fax: 0203.3864038

Loại thông tin công bố: 24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

\* Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo tài chính năm 2021 đã  
được kiểm toán.

**Người thực hiện công bố thông tin**



**Vũ Đức Long**

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ -**  
**VINACOMIN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021



## MỤC LỤC

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 - 4
<b>2. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	5 - 6
<b>3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 41

0313  
CÓ  
ÁCH I  
] VI  
4 X

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

**1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa xí nghiệp Vận tải và Đưa đón thợ mỏ thuộc Công ty Vật tư Vận tải và Xếp dỡ - Tập đoàn Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2203000190 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 22/12/2003. Trong quá trình hoạt động các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 6 số 5700477326 ngày 10/05/2021.

**2. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

***Thành viên Hội đồng quản trị:***

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Bùi Hồng Quang	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 14/12/2021)	(i)
- Nguyễn Trọng Tốt	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 15/12/2021)	(ii)
- Ông Phan Văn Cường	Ủy viên	
- Ông Hoàng Minh Sơn	Ủy viên (đến ngày 14/12/2021)	(iii)
- Lương Văn Hiểu	Ủy viên (từ ngày 15/12/2021)	(iii)
- Vũ Đức Long	Thư Ký	

- (i) Theo Nghị quyết số 104/NQ-HĐQT ngày 14/12/2021 của HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin về việc ông Bùi Hồng Quang thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty.
- (ii) Theo Nghị quyết số 167/NQ-HĐQT ngày 14/12/2021 của HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin về việc bầu chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2021 - 2026.
- (iii) Theo Nghị quyết số 105/NQ-HĐQT ngày 14/12/2021 của HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin về việc thay đổi thành viên HĐQT Công ty.

***Thành viên Ban Giám đốc:***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
- Ông Phan Văn Cường	Giám đốc	
- Ông Vũ Mạnh Dũng	Phó Giám đốc	
- Ông Lương Văn Hiểu	Phó Giám đốc (đến ngày 31/12/2021)	(iv)
- Ông Hoàng Minh Sơn	Phó Giám đốc	

440640  
CÔNG TY  
THÊM HỮU  
KẾ  
T NẠI  
VẬN -

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- (iv) Theo Quyết định số 113/QĐ-HĐQT ngày 30/12/2021 của HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin

***Thành viên Ban kiểm soát:***

Họ và tên:

Chức vụ:

- |                         |                               |     |
|-------------------------|-------------------------------|-----|
| - Ông Phạm Xuân Phong   | Trưởng ban                    |     |
| - Ông Nguyễn Ngọc Thành | Ủy viên                       |     |
| - Bà Trịnh Thị Huệ      | Ủy viên (đến ngày 21/04/2021) | (v) |
| - Bà Trần Thị Thúy      | Ủy viên (từ ngày 22/04/2021)  | (v) |

- (v) Theo Nghị quyết số 27/NQ-ĐĐTMM ngày 22/04/2021 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

**3. Trụ sở**

Công ty có trụ sở tại: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

**4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và kết quả hoạt động kinh doanh kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

**5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**6. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

**7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

**8. Ý kiến của Ban Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 03 năm 2022

**THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC**

**GIÁM ĐỐC**



**PHAN VĂN CƯỜNG**

Số: 23/2022/BCKT-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2022

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin được lập ngày 19 tháng 03 năm 2022 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 41 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm toán nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán của chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

313440  
CÔNG  
ÁCH NIỆ  
PKF  
VIỆT  
NH XUÂN

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



**Nguyễn Như Tiến**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0449-2018-242-1

**Nguyễn Hồng Quang**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0576-2018-242-1

340-C  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM  
HỮU HẠN  
PKF  
VIỆT NAM  
N-T



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>37.963.856.408</b>	<b>32.171.128.321</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>1.683.955.239</b>	<b>442.666.641</b>
Tiền	111		1.683.955.239	442.666.641
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>26.578.114.367</b>	<b>21.587.504.721</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	25.204.481.756	20.639.026.417
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		181.670.100	459.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	1.191.962.511	489.478.304
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.4</b>	<b>6.673.032.118</b>	<b>5.321.941.355</b>
Hàng tồn kho	141		6.673.032.118	5.321.941.355
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.028.754.684</b>	<b>4.819.015.604</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	2.804.517.650	2.186.920.008
Thuế GTGT được khấu trừ	152		57.385.446	2.632.095.596
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153		166.851.588	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>145.063.197.301</b>	<b>123.168.094.372</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>125.469.668.284</b>	<b>56.228.655.343</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	125.469.668.284	56.228.655.343
- Nguyên giá	222		473.298.872.915	395.350.305.184
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(347.829.204.631)	(339.121.649.841)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.7</b>	<b>6.991.070.779</b>	<b>7.397.372.443</b>
- Nguyên giá	231		9.091.045.792	9.091.045.792
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(2.099.975.013)	(1.693.673.349)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>568.805.601</b>	<b>50.509.938.180</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.5	568.805.601	50.509.938.180
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.033.652.637</b>	<b>9.032.128.406</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	12.033.652.637	9.032.128.406
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>183.027.053.709</b>	<b>155.339.222.693</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>143.206.301.208</b>	<b>115.481.686.724</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>65.060.301.208</b>	<b>53.352.686.724</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	17.538.478.220	15.793.644.175
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	973.184.225	160.354.168
Phải trả người lao động	314		10.667.507.635	12.785.702.183
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	80.542.096	82.566.717
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	591.278.162	886.854.973
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.9	35.157.891.892	23.352.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		51.418.978	291.564.508
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>78.146.000.000</b>	<b>62.129.000.000</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.9	78.146.000.000	62.129.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>39.820.752.501</b>	<b>39.857.535.969</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.14</b>	<b>39.820.752.501</b>	<b>39.857.535.969</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.797.970.000	32.797.970.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.797.970.000	32.797.970.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		472.691.257	472.691.257
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.467.588.042	2.467.588.042
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.082.503.202	4.119.286.670
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.082.503.202	4.119.286.670
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>183.027.053.709</b>	<b>155.339.222.693</b>

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ NHUNG

ĐỖ THANH TÙNG

PHAN VĂN CƯỜNG

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	288.121.015.082	263.064.285.494
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		288.121.015.082	263.064.285.494
Giá vốn hàng bán	11	6.2	239.496.342.427	219.270.812.160
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.624.672.655	43.793.473.334
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	7.415.358	6.389.297
Chi phí tài chính	22	6.4	8.836.401.160	3.605.877.107
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.836.401.160	3.605.877.107
Chi phí bán hàng	25	6.7	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	35.331.835.588	35.825.948.180
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.463.851.265	4.368.037.344
Thu nhập khác	31	6.5	1.215.289.676	816.182.336
Chi phí khác	32	6.6	219.645.630	4.578.842
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		995.644.046	811.603.494
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.459.495.311	5.179.640.838
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.376.992.109	1.060.354.168
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		4.082.503.202	4.119.286.670
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.245	1.256
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ NHUNG

ĐỖ THANH TÙNG

PHAN VĂN CƯỜNG

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	5.459.495.311	5.179.640.838
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	26.844.375.016	20.152.187.901
Các khoản dự phòng	03	-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.117.436.723)	(708.262.938)
Chi phí lãi vay	06	8.836.401.160	3.605.877.107
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>40.022.834.764</b>	<b>28.229.442.908</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.582.751.084)	15.204.442.611
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.351.090.763)	610.749.032
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	5.658.615.167	(18.524.686.870)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.619.121.873)	(548.762.172)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(8.836.401.160)	(3.605.877.107)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.328.190.089)	(975.392.695)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	9.900.000	5.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.401.454.000)	(1.774.414.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>25.572.340.962</b>	<b>18.620.501.707</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(51.303.502.779)	(70.439.679.964)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.110.021.365	701.873.641
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.415.358	6.389.297
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(50.186.066.056)</b>	<b>(69.731.417.026)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	85.894.895.077	85.549.154.385
Tiền trả nợ gốc vay	34	(58.072.003.185)	(32.929.870.385)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.967.878.200)	(1.967.878.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>25.855.013.692</b>	<b>50.651.405.800</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>	<b>1.241.288.598</b>	<b>(459.509.519)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	442.666.641	902.176.160
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>1.683.955.239</b>	<b>442.666.641</b>


Quảng Ninh, ngày 19 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ NHUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THANH TÙNG



GIÁM ĐỐC

PHAN VĂN CƯỜNG

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

### **1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp Vận tải và Đưa đón thợ mỏ thuộc Công ty Vật tư Vận tải và Xếp dỡ - Tập đoàn Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2203000190 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 22/12/2003. Trong quá trình hoạt động các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 6 số 5700477326 ngày 10/05/2021.

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Hoạt động chính của Công ty là: Đưa đón thợ mỏ; vận tải hành khách công cộng; sửa chữa thiết bị vận tải. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp:**

Công ty có trụ sở tại: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, số lượng cán bộ nhân viên của Công ty là 722 người, trong đó số cán bộ quản lý là 102 người.

### **2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

#### **Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

### **3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3640  
CÔNG TY  
M HỮU  
C P  
NAI  
N - 1

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

### **4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

#### **4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### **4.3 Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2021/TT-BTC ngày 08/08/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

**4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

***Tài sản cố định hữu hình***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- |                                   |            |
|-----------------------------------|------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 6 - 35 năm |
| - Máy móc, thiết bị               | 5 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 - 10 năm |
| - Dụng cụ quản lý                 | 5 - 8 năm  |

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

### **4.6 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bất động sản đầu tư (BDS đầu tư) là toàn bộ các chi phí bằng tiền mà Công ty bỏ ra để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới BDS đầu tư được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi BDS đầu tư được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý bất động sản đầu tư đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong năm. Thời gian sử dụng ước tính của BDS đầu tư được tính theo thời gian sử dụng của nhà cửa vật kiến trúc được hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016.

Bất động sản đầu tư là các văn phòng do Công ty sở hữu và cho thuê theo hợp đồng thuê hoạt động.

Thời gian trích khấu hao bất động sản đầu tư của công ty như sau:

- Nhà 25 năm

### **4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

### **4.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, chi phí sử dụng đường bộ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, công cụ dụng cụ phân bổ và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

5132  
CỔ  
CH NI  
P  
VIỆ  
XU



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**4.9 Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

**4.10 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

**4.11 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm cước đàm thoại, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.12 Vốn chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700477326 điều chỉnh lần 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày ngày 10 tháng 05 năm 2021, và cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo GCNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	32.797.970.000	31.238.090.000	100%
Các cổ đông khác		1.559.880.000	
<b>Cộng</b>	<b>32.797.970.000</b>	<b>32.797.970.000</b>	<b>100%</b>

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

### **4.13 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **4.14 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Giá vốn hàng bán của Công ty bao gồm giá vốn dịch vụ vận chuyển, giá vốn sửa chữa phương tiện vận tải và giá vốn khác.

### **4.15 Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hóa theo quy định. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

### **4.16 Thuế**

#### ***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Hàng hóa, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu các mức thuế suất thuế GTGT như sau:

- Cước vận chuyển và các dịch vụ khác: 10%.

#### ***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế.

Thuế suất thuế TNDN trong năm của Công ty: 20%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Các loại thuế khác:** theo quy định hiện hành của Việt Nam.

**4.17 Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.18 Các bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**4.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1. Tiền**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i) 27.285.415	55.206.830
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii) 1.656.669.824	387.459.811
<b>Cộng</b>	<b><u>1.683.955.239</u></b>	<b><u>442.666.641</u></b>

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2021 bao gồm:

	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Đồng ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam		27.285.415
<b>Cộng</b>		<b><u>27.285.415</u></b>

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2021 bao gồm:

	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam		1.656.669.824
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả</i>		1.178.392.327
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả</i>		5.964.281
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Quảng Ninh</i>		450.240.477
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh</i>		22.072.739
<b>Cộng</b>		<b><u>1.656.669.824</u></b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.2. Phải thu khách hàng**

	<u>31/12/2021</u> (VND)	<u>01/01/2021</u> (VND)
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>25.204.481.756</b>	<b>20.639.026.417</b>
Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin	1.958.409.814	1.718.848.982
Công ty Than Dương Huy - TKV	665.301.595	1.530.438.296
Công ty Than Hạ Long - TKV	3.065.093.600	391.704.994
Công ty Xây lắp mỏ - TKV	3.733.704.981	3.021.176.787
Công ty Than Nam Mẫu - TKV	2.339.729.206	1.850.192.528
Công ty Than Uông Bí - TKV	2.044.684.482	2.235.402.582
Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	1.371.253.662	1.276.889.147
Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	2.066.947.767	3.015.061.596
Công ty Than Khe Chàm - TKV	386.544.496	583.457.101
Công ty Than Quang Hanh - TKV	388.689.028	128.102.461
Đối tượng khác	7.184.123.125	4.887.751.943
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>25.204.481.756</b>	<b>20.639.026.417</b>

Phải thu các bên liên quan chi tiết xem Phụ lục 03.

**5.3. Phải thu khác**

	<u>31/12/2021</u> (VND)		<u>01/01/2021</u> (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.191.962.511</b>	-	<b>489.478.304</b>	-
Phải thu cán bộ công nhân viên	294.624.324	-	294.053.324	-
Ký cược ký quỹ	694.200.000	-	36.000.000	-
Phải thu khác	203.138.187	-	159.424.980	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.191.962.511</b>	-	<b>489.478.304</b>	-

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.4. Hàng tồn kho**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.518.001.852		5.027.740.465	-
Công cụ, dụng cụ	155.030.266	-	294.200.890	-
<b>Cộng</b>	<b>6.673.032.118</b>	<b>-</b>	<b>5.321.941.355</b>	<b>-</b>

**5.5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Mua sắm tài sản cố định	-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản	568.805.601	50.509.938.180
<i>Dự án khu nhà điều hành, xưởng sửa chữa và bãi đỗ xe tại phường Bắc Sơn, TP Uông Bí</i>	568.805.601	-
<i>Dự án đầu tư xe ô tô chở công nhân duy trì sản xuất năm 2020</i>	-	50.509.938.180
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-
<b>Cộng</b>	<b>568.805.601</b>	<b>50.509.938.180</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	29.234.354.266	5.944.553.159	360.135.930.559	35.467.200	-	395.350.305.184
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	95.496.268.111	182.818.182	-	95.679.086.293
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(17.730.518.562)	-	-	(17.730.518.562)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>29.234.354.266</b>	<b>5.944.553.159</b>	<b>437.901.680.108</b>	<b>218.285.382</b>	<b>-</b>	<b>473.298.872.915</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>						
Số dư đầu năm	21.336.784.829	4.683.844.779	313.065.553.033	35.467.200	-	339.121.649.841
- Khấu hao trong năm	1.012.009.803	183.197.292	25.240.225.550	2.640.707	-	26.438.073.352
- Hao mòn	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(17.730.518.562)	-	-	(17.730.518.562)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>22.348.794.632</b>	<b>4.867.042.071</b>	<b>320.575.260.021</b>	<b>38.107.907</b>	<b>-</b>	<b>347.829.204.631</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	7.897.569.437	1.260.708.380	47.070.377.526	-	-	56.228.655.343
Tại ngày cuối năm	6.885.559.634	1.077.511.088	117.326.420.087	180.177.475	-	125.469.668.284
- Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo khoản vay						78.786.526.606
- Nguyên giá của Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết, đang sử dụng						278.199.662.164
- Nguyên giá của Tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý						13.803.136.886



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.7. Bất động sản đầu tư**

	Số đầu năm (VND)	Tăng trong năm (VND)	Giảm trong năm (VND)	Số cuối năm (VND)
<b>Nguyên giá BĐS đầu tư</b>	<b>9.091.045.792</b>	-	-	<b>9.091.045.792</b>
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	9.091.045.792	-	-	9.091.045.792
Nhà và Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>1.693.673.349</b>	<b>406.301.664</b>	-	<b>2.099.975.013</b>
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	1.693.673.349	406.301.664	-	2.099.975.013
Nhà và Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại của BĐS đầu tư</b>	<b>7.397.372.443</b>	-	<b>(406.301.664)</b>	<b>6.991.070.779</b>
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	7.397.372.443	-	(406.301.664)	6.991.070.779
Nhà và Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-

**5.8. Chi phí trả trước**

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>2.804.517.650</b>	<b>2.186.920.008</b>
Công cụ dụng cụ phân bổ	28.483.336	111.571.676
Chi phí mua bảo hiểm xe ô tô	1.085.581.160	540.236.871
Chi phí sử dụng đường bộ	306.012.117	377.065.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.384.441.037	1.158.046.461
<b>b. Dài hạn</b>	<b>12.033.652.637</b>	<b>9.032.128.406</b>
Công cụ dụng cụ phân bổ	3.847.276.669	-
Chi phí sử dụng đường bộ dài hạn	183.861.511	103.370.040
Chi phí sửa chữa lớn Tài sản cố định	7.279.773.152	8.486.537.366
Chi phí trả trước dài hạn khác	722.741.305	442.221.000
<b>Cộng</b>	<b>14.838.170.287</b>	<b>11.219.048.414</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.9. Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2021 (VND)		Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2021 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>a. Gốc vay ngắn hạn</b>	<b>7.900.000.000</b>	<b>7.900.000.000</b>	<b>48.395.895.077</b>	<b>41.414.003.185</b>	<b>14.881.891.892</b>	<b>14.881.891.892</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cẩm phả	7.900.000.000	7.900.000.000	24.021.359.149	25.767.670.042	6.153.689.107	6.153.689.107
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	-	-	24.374.535.928	15.646.333.143	8.728.202.785	8.728.202.785
<b>b. Gốc vay dài hạn</b>	<b>77.581.000.000</b>	<b>77.581.000.000</b>	<b>37.499.000.000</b>	<b>16.658.000.000</b>	<b>98.422.000.000</b>	<b>98.422.000.000</b>
<i>Từ 5 năm đến 10 năm</i>	<i>77.581.000.000</i>	<i>77.581.000.000</i>	<i>37.499.000.000</i>	<i>16.658.000.000</i>	<i>98.422.000.000</i>	<i>98.422.000.000</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả	35.916.000.000	35.916.000.000	-	8.212.000.000	27.704.000.000	27.704.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	41.665.000.000	41.665.000.000	37.499.000.000	8.446.000.000	70.718.000.000	70.718.000.000
<b>Cộng</b>	<b>85.481.000.000</b>	<b>85.481.000.000</b>	<b>85.894.895.077</b>	<b>58.072.003.185</b>	<b>113.303.891.892</b>	<b>113.303.891.892</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	01/01/2021 (VND)		31/12/2021 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>c. Phân loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC</b>	<b>15.452.000.000</b>	<b>15.452.000.000</b>	<b>20.276.000.000</b>	<b>20.276.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Cẩm Phả	8.212.000.000	8.212.000.000	8.212.000.000	8.212.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	7.240.000.000	7.240.000.000	12.064.000.000	12.064.000.000
<b>d. Số dư tại thời điểm lập BCTC</b>	<b>85.481.000.000</b>	<b>85.481.000.000</b>	<b>113.303.891.892</b>	<b>113.303.891.892</b>
d.1 Vay và nợ ngắn hạn (d.1 = a + c)	23.352.000.000	23.352.000.000	35.157.891.892	35.157.891.892
d.2 Vay và nợ dài hạn (d.2 = b - c)	62.129.000.000	62.129.000.000	78.146.000.000	78.146.000.000

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.10. Phải trả người bán**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>17.538.478.220</b>	<b>17.538.478.220</b>	<b>15.793.644.175</b>	<b>15.793.644.175</b>
Xí nghiệp Xăng dầu Quảng Ninh	1.718.904.090	1.718.904.090	172.411.590	172.411.590
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thái Phát	1.473.873.500	1.473.873.500	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đức Đông	433.528.700	433.528.700	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Hải Đăng	1.131.916.500	1.131.916.500	-	-
Công ty TNHH Lốp xe PT	314.150.496	314.150.496	549.698.688	549.698.688
Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả	8.670.086.885	8.670.086.885	13.157.521.363	13.157.521.363
Phải trả cho các đối tượng khác	3.796.018.049	3.796.018.049	1.914.012.534	1.914.012.534
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>17.538.478.220</b>	<b>17.538.478.220</b>	<b>15.793.644.175</b>	<b>15.793.644.175</b>

Phải trả người bán là các bên liên quan chi tiết xem Phụ lục 03.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>01/01/2021</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã nộp</b>	<b>31/12/2021</b>
	<b>(VND)</b>	<b>trong năm</b>	<b>trong năm</b>	<b>(VND)</b>
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	6.346.344.567	5.582.316.530	764.028.037
Thuế thu nhập doanh nghiệp	160.354.168	1.376.992.109	1.328.190.089	209.156.188
Thuế thu nhập cá nhân	-	241.297.638	241.297.638	-
Tiền thuê đất	-	406.994.451	406.994.451	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	199.451.832	199.451.832	-
<b>Cộng</b>	<b>160.354.168</b>	<b>8.571.080.597</b>	<b>7.758.250.540</b>	<b>973.184.225</b>
<b>b. Phải thu</b>				
Tiền thuê đất	-	-	166.851.588	166.851.588
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>166.851.588</b>	<b>166.851.588</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.12. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2021</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2021</b> <b>(VND)</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>80.542.096</b>	<b>82.566.717</b>
Cước đàm thoại	8.236.096	8.725.717
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát Công ty	72.306.000	73.841.000
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>80.542.096</b>	<b>82.566.717</b>

**5.13. Phải trả khác**

	<b>31/12/2021</b> <b>(VND)</b>	<b>01/01/2021</b> <b>(VND)</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>591.278.162</b>	<b>886.854.973</b>
Kinh phí công đoàn	31.956.520	8.429.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác (i)	559.321.642	878.425.373
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>591.278.162</b>	<b>886.854.973</b>

(i) Số dư chi tiết phải trả, phải nộp ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2021 bao gồm:

	<b>31/12/2021</b> <b>(VND)</b>
Tiền trách nhiệm công nhân mới	110.499.462
Quỹ Văn hóa Thể thao và Hoạt động Xã hội	380.747.871
Phải trả khác	68.074.309
<b>Cộng</b>	<b>559.321.642</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**5.14. Vốn chủ sở hữu**

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<b>Vốn góp của chủ Sở hữu</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>32.797.970.000</b>	<b>472.691.257</b>	<b>1.759.790.654</b>	-	<b>4.327.202.825</b>	<b>39.357.654.736</b>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	4.119.286.670	4.119.286.670
Tăng khác	-	-	707.797.388	-	-	707.797.388
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(4.327.202.825)	(4.327.202.825)
<b>Số dư cuối năm trước/đầu năm nay</b>	<b>32.797.970.000</b>	<b>472.691.257</b>	<b>2.467.588.042</b>	-	<b>4.119.286.670</b>	<b>39.857.535.969</b>
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	4.082.503.202	4.082.503.202
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm khác (*)	-	-	-	-	(4.119.286.670)	(4.119.286.670)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>32.797.970.000</b>	<b>472.691.257</b>	<b>2.467.588.042</b>	-	<b>4.082.503.202</b>	<b>39.820.752.501</b>

(\*) Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 27/NQ-ĐĐTMM ngày 22/04/2021 số tiền 1.967.878.200 đồng và trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền 2.007.242.470 đồng.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	31.238.090.000	31.238.090.000
Vốn góp của đối tượng khác	1.559.880.000	1.559.880.000
<b>Cộng</b>	<b>32.797.970.000</b>	<b>32.797.970.000</b>
Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 Cổ phiếu		

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	32.797.970.000	32.797.970.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	32.797.970.000	32.797.970.000

**Cổ phiếu**

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>3.279.797</b>	<b>3.279.797</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>3.279.797</b>	<b>3.279.797</b>
Cổ phiếu phổ thông	3.279.797	3.279.797
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>3.279.797</b>	<b>3.279.797</b>
Cổ phiếu phổ thông	3.279.797	3.279.797
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

**Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	2.467.588.042	2.467.588.042

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất.



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>288.121.015.082</b>	<b>263.064.285.494</b>
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	265.116.687.175	247.678.367.890
Doanh thu sửa chữa phương tiện vận tải	21.867.858.617	14.182.388.548
Doanh thu khác	1.136.469.290	1.203.529.056

**6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	217.294.853.625	204.600.988.501
Giá vốn sửa chữa phương tiện vận tải	21.588.254.149	14.018.765.812
Giá vốn khác	613.234.653	651.057.847
<b>Cộng</b>	<b>239.496.342.427</b>	<b>219.270.812.160</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.415.358	6.389.297
<b>Cộng</b>	<b>7.415.358</b>	<b>6.389.297</b>

**6.4 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lãi tiền vay	8.836.401.160	3.605.877.107
<b>Cộng</b>	<b>8.836.401.160</b>	<b>3.605.877.107</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**6.5 Thu nhập khác**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Thu thanh lý tài sản cố định	1.110.021.365	701.873.641
Các khoản khác	105.268.311	114.308.695
<b>Cộng</b>	<b>1.215.289.676</b>	<b>816.182.336</b>

**6.6 Chi phí khác**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Các khoản bị phạt, vi phạm	196.451.832	-
Các khoản khác	23.193.798	4.578.842
<b>Cộng</b>	<b>219.645.630</b>	<b>4.578.842</b>

**6.7 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2020</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
<b>a. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>35.331.835.588</b>	<b>35.825.948.180</b>
Chi phí nhân viên quản lý	18.239.169.431	17.356.803.724
Chi phí vật liệu	1.420.594.067	1.072.474.026
Chi phí công dụng dụng cụ quản lý	49.025.000	6.150.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	627.876.947	752.193.145
Thuế, phí và lệ phí	409.994.451	551.568.099
Chi phí mua ngoài	2.905.687.584	683.177.118
Các khoản khác	11.679.488.108	15.403.582.068
<b>b. Chi phí bán hàng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>35.331.835.588</b>	<b>35.825.948.180</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>274.828.178.015</b>	<b>255.096.760.340</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	112.501.682.664	104.223.002.838
Chi phí nhân công	96.425.396.842	91.800.562.947
Chi phí khấu hao TSCĐ	26.844.375.016	20.152.187.901
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.882.247.360	7.592.233.630
Chi phí khác bằng tiền	27.174.476.133	31.328.773.024
<b>Cộng</b>	<b>274.828.178.015</b>	<b>255.096.760.340</b>

**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.459.495.311	5.179.640.838
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)	336.285.630	122.130.000
<i>Tiền lương và phụ cấp HĐQT và BKS không trực tiếp tham gia điều hành</i>	116.640.000	116.640.000
<i>Các khoản khác</i>	219.645.630	5.490.000
Tổng thu nhập chịu thuế	5.795.780.941	5.301.770.838
Chuyển lỗ năm trước	-	-
Các khoản giảm thu nhập tính thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	5.795.780.941	5.301.770.838
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.159.156.188	1.060.354.168
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNDN của năm này	217.835.921	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.376.992.109</b>	<b>1.060.354.168</b>

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	4.082.503.202	4.119.286.670
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.(*)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	4.082.503.202	4.119.286.670
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.279.797	3.279.797
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.245</b>	<b>1.256</b>

(\* Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin chưa có phương án dự kiến phân phối lợi nhuận nên lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính trên toàn bộ lợi nhuận sau thuế TNDN.

**7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin

3440  
CÔNG  
NHIỆM  
PK  
ỆT N  
LIÊN

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
<b>Ngày 31/12/2021</b>			
<b><i>Giá trị ghi sổ:</i></b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.683.955.239	-	1.683.955.239
Phải thu khách hàng	25.204.481.756	-	25.204.481.756
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	1.191.962.511	-	1.191.962.511
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b><i>Trừ:</i></b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.080.399.506</b>	<b>-</b>	<b>28.080.399.506</b>
Các khoản vay và nợ	35.157.891.892	78.146.000.000	113.303.891.892
Phải trả người bán	17.538.478.220	-	17.538.478.220
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	671.820.258	-	671.820.258
<b>Tổng cộng</b>	<b>53.368.190.370</b>	<b>-</b>	<b>131.514.190.370</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(25.287.790.864)</b>	<b>(78.146.000.000)</b>	<b>(103.433.790.864)</b>
<b>Ngày 01/01/2021</b>			
<b><i>Giá trị ghi sổ:</i></b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	442.666.641	-	442.666.641
Phải thu khách hàng	20.639.026.417	-	20.639.026.417
Đầu tư	-	-	-
Phải thu khác	489.478.304	-	489.478.304
Tài sản tài chính khác	-	-	-
<b><i>Trừ:</i></b>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.571.171.362</b>	<b>-</b>	<b>21.571.171.362</b>
Các khoản vay và nợ	23.352.000.000	62.129.000.000	85.481.000.000
Phải trả người bán	15.793.644.175	-	15.793.644.175
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	969.421.690	-	969.421.690
<b>Tổng cộng</b>	<b>40.115.065.865</b>	<b>62.129.000.000</b>	<b>102.244.065.865</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(18.543.894.503)</b>	<b>(62.129.000.000)</b>	<b>(80.672.894.503)</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	25.204.481.756	20.639.026.417	25.204.481.756	20.639.026.417
<i>Các khoản phải thu khác</i>	1.191.962.511	489.478.304	1.191.962.511	489.478.304
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản TĐT</i>	1.683.955.239	442.666.641	1.683.955.239	442.666.641
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.080.399.506</b>	<b>21.571.171.362</b>	<b>28.080.399.506</b>	<b>21.571.171.362</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	113.303.891.892	85.481.000.000	113.303.891.892	85.481.000.000
<i>Phải trả người bán</i>	17.538.478.220	15.793.644.175	17.538.478.220	15.793.644.175
<i>Phải trả khác</i>	671.820.258	969.421.690	671.820.258	969.421.690
<b>Tổng cộng</b>	<b>131.514.190.370</b>	<b>102.244.065.865</b>	<b>131.514.190.370</b>	<b>102.244.065.865</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2021 và ngày 01/01/2021. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

**7.2 Báo cáo bộ phận**

Trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 31/12/2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ vận chuyển; hoạt động sửa chữa phương tiện vận tải và hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10% doanh thu và dưới 10% về tài sản để thực hiện các hoạt động khác này). Do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại khu vực tỉnh Quảng Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, P. Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

**7.3 Thông tin về các bên có liên quan**

Số dư tại ngày 31/12/2021 và các giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01: Báo cáo vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua trong nội bộ Tập đoàn;
- Phụ biểu 02: Báo cáo dịch vụ vận chuyển bán trong nội bộ Tập đoàn;
- Phụ biểu 03: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn;

Thu nhập của các Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

	<u>Năm 2021</u> <u>(VND)</u>
- Lương, thưởng của Ban Giám đốc	1.543.342.000
- Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	361.482.000
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.904.824.000</u></b>

**7.4 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

**7.5 Thông tin so sánh**

Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 03 năm 2022

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**NGUYỄN THỊ NHUNG**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**ĐỖ THANH TÙNG**

**GIÁM ĐỐC**

**PHAN VĂN CƯỜNG**



**BÁO CÁO VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị mua trong kỳ
A	B	1
1	Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin	9.690.000
2	Công ty Than Thống Nhất -TKV	98.239.890
3	Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - XN Vật tư Cẩm Phả	27.422.738.427
4	Công ty Than Quang Hanh - TKV	3.007.661.807
5	Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV	594.422.760
6	Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	28.800.000
7	Trường Quản trị Kinh doanh - Vinacomin	5.737.500
8	Công ty Cổ Phần Than Núi Béo - Vinacomin	67.112.029
9	Công ty Than Nam Mẫu - TKV	17.400.000
10	Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin	260.778.783
11	Công ty Cổ phần Tin học Công nghệ và Môi trường - Vinacomin	305.701.064
12	Công ty Cổ phần than Cao Sơn - TKV	2.032.030.000
13	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ và Công nghiệp - Vinacomin	161.750.909
14	Trường Cao Đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam	162.827.500
15	Bệnh viện Than - Khoáng sản	428.417.183
16	Khách sạn Heritage Hạ Long	107.010.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>34.710.317.852</b>

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRỊNH THỊ HUỆ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐỖ THANH TÙNG

GIÁM ĐỐC

PHAN VĂN CƯỜNG

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN**

Phụ biểu 02

Địa chỉ: Số 750, đường Hoàng Quốc Việt, tổ 16, khu Tây Sơn 2, phường Cẩm Sơn, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

**BÁO CÁO DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**  
**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị mua	Doanh thu
		Giá trị (VND)
A	B	C
1	Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin	9.995.195.413
2	Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin	13.832.394.304
3	Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV	30.998.236.386
4	Công ty Than Thống Nhất - TKV	999.232.609
5	Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	19.571.347.410
6	Công ty Than Khe Chàm - TKV	20.287.061.689
7	Công ty Than Dương Huy - TKV	31.057.462.750
8	Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin	403.557.800
9	Công ty Than Quang Hanh - TKV	7.848.324.337
10	Công ty Cổ phần Vật tư - TKV	626.398.865
11	Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin	5.268.723.608
12	Công ty Xây lắp mỏ - TKV	7.873.883.836
13	Công ty Than Hạ Long - TKV	35.252.873.307
14	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	2.080.882.000
15	Công ty Than Nam Mẫu - TKV	20.280.168.079
16	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	624.609.000
17	Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin	970.592.000
18	Công ty Than Uông Bí - TKV	23.599.105.000
19	Công ty Than Mạo Khê - TKV	615.933.000
20	Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV	4.146.294.056
21	Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin	8.439.677.313
22	Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	15.402.482.300
23	Công ty Than Hòn Gai - TKV	7.672.992.000
24	Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin	10.223.499.574
25	Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin	3.014.182.515
26	Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV	85.850.502
27	Công ty Cổ phần Kinh doanh than Cẩm Phả - Vinacomin	3.778.070.164
28	Công ty Chế biến than Quảng Ninh - TKV	790.012.153
29	Khách sạn Heritage Hạ Long	38.181.818
	<b>Tổng cộng</b>	<b>285.777.223.788</b>

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 03 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRỊNH THỊ HUỆ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐỖ THANH TÙNG

GIÁM ĐỐC



PHAN VĂN CƯỜNG

## BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

STT	Tên đơn vị	Các khoản công nợ			
		TK 131		TK 331	
		Ngắn hạn	Dài hạn	Ngắn hạn	Dài hạn
A	B	1	2	3	4
<b>I</b>	<b>CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU</b>	<b>24.903.899.489</b>	-	-	-
1	Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Vinacomin	97.687.357	-	-	-
2	Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin	1.958.409.814	-	-	-
3	Công ty Cổ phần Than Cao Sơn - TKV	729.880.328	-	-	-
4	Công ty Than Thống Nhất - TKV	191.584.042	-	-	-
5	Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	2.066.947.767	-	-	-
6	Công ty Than Khe Chàm - TKV	386.544.496	-	-	-
7	Công ty Than Dương Huy - TKV	665.301.595	-	-	-
8	Công ty Cổ phần Chế tạo máy - Vinacomin	105.849.407	-	-	-
9	Công ty Than Quang Hanh -TKV	388.689.028	-	-	-
10	Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin	559.364.670	-	-	-
11	Công ty Xây lắp mỏ - TKV	3.733.704.981	-	-	-
12	Công ty Than Hạ Long -TKV	3.065.093.600	-	-	-
13	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	195.677.320	-	-	-
14	Công ty Than Nam Mẫu - TKV	2.339.729.206	-	-	-
15	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt	84.824.250	-	-	-
16	Công ty Than Uông Bí - TKV	2.044.684.482	-	-	-
17	Công ty Than Mạo Khê - TKV	107.798.220	-	-	-
18	Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV	150.435.871	-	-	-
19	Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin	2.614.176.751	-	-	-
20	Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	1.371.253.662	-	-	-
21	Công ty Than Hòn Gai - TKV	573.741.320	-	-	-
22	Công ty Cổ phần Than Hà Tu - Vinacomin	398.467.730	-	-	-
23	Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin	815.599.878	-	-	-
24	Công ty Cổ phần Kinh doanh than Cẩm Phả - Vinacomin	215.003.046	-	-	-
25	Công ty Chế biến than Quảng Ninh - TKV	43.450.668	-	-	-
<b>II</b>	<b>CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ</b>	-	-	<b>9.315.259.318</b>	-
1	Công ty Cổ phần Vật tư - TKV - XI nghiệp Vật tư Cẩm Phả	-	-	8.670.086.885	-
2	Công ty Cổ phần Tin học, Công nghệ Môi trường - Vinacomin	-	-	336.271.170	-
3	Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV	-	-	106.495.068	-
4	Trung tâm Y tế than Khu vực Mạo Khê	-	-	13.220.000	-
5	Bệnh viện Than - Khoáng sản	-	-	93.650.883	-
6	Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin	-	-	95.535.312	-

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRỊNH THỊ HUỆ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐỖ THANH TÙNG

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 03 năm 2022

GIÁM ĐỐC

PHAN VĂN CƯỜNG